

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tấn Trường

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Văn Khách
Ông Ninh Quốc Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1983 (Có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đại trình bày:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Trần Thị H, sinh năm 1993 tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện BGM cũ, nay là huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 27/3/2015.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã... Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 7/2017 cho đến nay vợ chồng ông đã sống ly thân. Khi vợ

chồng xảy ra mâu thuẫn, hai bên gia đình đều biết, có khuyên giải vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả.

Ông Đ xác định không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị H.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 02/11/2015. Khi ly hôn, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung là cháu Trâm A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục do từ thời điểm vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Trâm A sống cùng bà H và do bà H chăm sóc chính. Về cấp dưỡng nuôi con, ông và bà H tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị H: Tòa án đã tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng bà H vắng mặt tại địa phương. Căn cứ Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 464/2020/TLST-HNGĐ (ngày 07-01-2021), Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (25-01-2021), Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (17-3-2021) nhưng bà Trần Thị H vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Hương. Theo lời trình bày của ông Đ và xác minh tại địa phương thì có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đ, bà H có mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ. Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với bị đơn bà Trần Thị H có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T 2, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Minh Đ, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa ông Đ, bà H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện BGM cũ, tỉnh Bình Phước.

Theo ông Đ, hôn nhân giữa ông và bà H phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và hiện cả hai đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho ông Đ các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để ông Đ đoàn tụ tiếp tục chung sống với bà H. Tuy nhiên, ông Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với bà H, ông Đ cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông Đ và bà H đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông Đ được ly hôn với bà H.

[b] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ và bà H có con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 02/11/2015. Xét yêu cầu của ông Đ về việc nuôi con sau khi ly hôn: Bà H không có ý kiến, yêu cầu đối với các vấn đề ông Đ khởi kiện. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nguyễn Ngọc Trâm A do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo môi trường ổn định giúp cháu A phát triển tốt về tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu A.

Ông Đ, bà H tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82; 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh Đ.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh Đ ly hôn với bà Trần Thị H.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 02/11/2015 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012041 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Tấn Trường